

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
Số 2170/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Song, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ, bổ sung kinh phí cho các cơ quan đơn vị năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/5/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ -CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Song về việc phê chuẩn phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Quyết định số 1429/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc giao dự toán NSNN năm 2023;

Công văn số 1500/UBND -TCKH ngày 17/4/2023 về việc chuyển nguồn ngân sách năm 2022 sang năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 59/TTr-TCKH ngày 24/10/2023 về việc phân bổ, bổ sung kinh phí cho các cơ quan đơn vị năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ, bổ sung kinh phí tiền lương, chế độ chính sách theo lương và một số chế độ khác theo quy định cho các cơ quan, đơn vị năm 2023 với tổng số tiền **1.933.513.000 đồng (Một tỷ, chín trăm ba mươi ba triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng).**

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Quyết định số 1429/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022: Nguồn CCTL; tăng lương; một số chế độ theo quy định và các nhiệm vụ khác: 82.683.800 đồng

- Công văn số 1500/UBND -TCKH ngày 17/4/2023: Nguồn tăng thu ngân sách so với dự toán giao năm 2022 tạo nguồn an sinh xã hội, chính sách tiền lương : 1.500.000.000 đồng

- Công văn số 1500/UBND -TCKH ngày 17/4/2023: Nguồn cải cách tiền lương chưa phân bổ: 117.654.000 đồng

- Nguồn hết nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách huyện quản lý: 233.175.200 đồng

Chi tiết như phụ lục đính kèm theo

Điều 2. Giao Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch cấp phát cho đơn vị sử dụng nguồn kinh phí trên đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Song và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu VT,



CHỦ TỊCH

Ngô Đức Trọng

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 217/QĐ-UBND, ngày 11/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Chương	Khoản	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
	Kinh phí tăng lương, biên chế				82.683.800	
1	Văn phòng Huyện ủy				82.683.800	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	709	351	12	82.683.800	

2/3

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2140/QĐ-UBND, ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Chương	Khoản	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
I	Kinh phí tăng lương, biên chế				1.213.699.200	
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện				310.800.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	605	341	13	72.200.000	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	605	341	14	900.000	
-	Kinh phí thuê Hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022	605	341	13	210.000.000	
-	Trợ cấp thôi việc	605	341	13	27.700.000	
2	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				28.400.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	612	341	13	26.600.000	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	612	341	14	1.800.000	
3	Phòng Tư pháp				68.900.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	614	341	13	6.500.000	
-	Kinh phí tăng biên chế	614	341	13	53.400.000	
-	Kinh phí phụ cấp cấp uỷ	614	341	13	8.000.000	
-	Kinh phí trách nhiệm kế toán	614	341	13	1.000.000	
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội				76.000.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	624	341	13	13.000.000	
-	Kinh phí tăng biên chế	624	341	13	63.000.000	
5	Phòng Văn hoá và Thông tin				22.100.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	625	341	13	8.700.000	
-	Kinh phí phụ cấp cấp uỷ	625	341	13	13.400.000	
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường				29.000.000	
-	Kinh phí tăng lương	626	341	13	29.000.000	
7	Phòng Nội vụ				28.500.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	635	341	13	26.400.000	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	635	341	14	2.100.000	
8	Thanh tra huyện				14.300.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên (Thanh tra viên, thanh tra viên chính)	637	341	13	11.900.000	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	637	341	14	2.400.000	
9	Văn phòng Huyện uỷ				194.606.200	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	709	351	12	190.645.200	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	709	351	14	3.961.000	
10	Ủy ban Mặt trận tổ quốc VN huyện				128.000.000	
-	Kinh phí tăng biên chế	710	361	13	115.000.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	710	361	13	13.000.000	
11	Hội Liên hiệp phụ nữ				12.600.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	712	361	13	12.600.000	
12	Hội người cao tuổi				12.700.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	718	361	13	12.700.000	
13	Hội chữ thập đỏ				12.200.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	717	362	13	12.200.000	
14	Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông				64.300.000	
14.1	Sự nghiệp văn hoá				13.600.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	799	161	13	13.600.000	
14.2	Sự nghiệp Phát thanh truyền hình				15.600.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	799	191	13	15.600.000	
14.3	Sự nghiệp thể thao				35.100.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	799	221	13	3.600.000	
-	Kinh phí tăng biên chế	799	221	13	26.100.000	

STT	Nội dung	Chương	Khoản	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	799	221	14	5.400.000	
15	Trung tâm GDTX- GDNN				112.000.000	
-	Kinh phí tăng biên chế	799	075	13	99.600.000	
-	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	799	075	13	10.600.000	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	799	075	14	1.800.000	
16	Phòng Dân tộc				288.000	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	683	341	14	288.000	
17	Phòng Kinh tế và Hạ tầng				905.000	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	620	341	14	905.000	
18	Trường tiểu học Ngô Gia Tự				98.100.000	
-	Kinh phí thực hiện CCTL theo Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	070	072	14	98.100.000	
II	Bổ sung có mục tiêu cho UBND các xã, thị trấn				637.130.000	
1	Xã Năm N'Jang				175.215.000	
	Kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và một số chế độ khác theo quy định				175.215.000	
2	UBND xã Thuận Hà				69.113.000	
	Kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và một số chế độ khác theo quy định				48.700.000	
	Kinh phí trợ cấp 1 lần theo NĐ 72				16.390.000	
	Kinh phí phụ cấp ban chấp hành				4.023.000	
3	UBND xã Đắc Mól				37.600.000	
	Kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và một số chế độ khác theo quy định				37.600.000	
4	UBND xã Đắc Hoà				115.499.000	
	Kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và một số chế độ khác theo quy định				115.499.000	
5	UBND xã Đắc N'Drung				89.281.000	
	Kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và một số chế độ khác theo quy định				48.600.000	
	Kinh phí nghỉ việc cho người hoạt động không chuyên trách				40.681.000	
6	UBND xã Thuận Hạnh				104.395.000	
	Kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và một số chế độ khác theo quy định				104.395.000	
7	UBND thị trấn Đức An				46.027.000	
-	Kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và một số chế độ khác theo quy định				46.027.000	
	Tổng cộng				1.850.829.200	



Handwritten signature or mark in blue ink.